

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **161/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/6/2022.

V/v tranh chấp “*Ly hôn, về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhân;

2. Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **334/2022/TLST-HNGĐ**, ngày **24 tháng 3** năm 2022 về việc tranh chấp “*Ly hôn, về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **268/2022/QĐXXST-HNGĐ**, ngày **27 tháng 5 năm 2022**, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Lâm Trường G, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Tr trình bày: Vợ chồng bà tự tìm hiểu chung sống với

nhau năm 2003, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2017. Vợ chồng sống hạnh phúc cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng hay nhậu, không phụ kinh tế với bà để lo cho gia đình, vợ chồng **thường cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 03/2022 cho đến nay**. Nay thấy tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông G.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Chí P, sinh ngày 04/9/2005 và Lâm Thị Kim Ng, sinh ngày 19/5/2015 (hiện đang chung sống với bà Tr), khi ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con;

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Tuyết Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Lâm Trường G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông G vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr và ông Lâm Trường G, tự tìm hiểu sống chung với nhau từ năm 2003, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M ngày 02/8/2017, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông G thường uống rượu, không phụ giúp, chăm lo gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau mâu thuẫn càng nhiều nên ly thân từ tháng 03/2022. Nay, bà Tr yêu cầu ly hôn với ông G.

Xét thấy, vợ chồng mâu thuẫn từ sinh hoạt hàng ngày, ông G ăn nhậu, không lo làm ăn và không phụ giúp bà Tr chăm lo cuộc sống gia đình, nhiều lần bà Tr khuyên ngăn nhưng không thành, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi và không thể chung sống với nhau từ tháng 3/2022. Thời gian ly thân, bà Tr xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn, ông G biết việc bà Tr yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến phản hồi, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc vợ chồng nên mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr đối với ông G.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Chí P, sinh ngày 04/9/2005 và Lâm Thị Kim Ng, sinh ngày 19/5/2015, hiện đang sống với bà Tr. Khi ly hôn yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, các cháu P và Ng đã trên 07 tuổi nhưng chưa thành niên cần phải có sự chăm sóc, giáo dục của cha, mẹ. Các cháu nhận thức được việc bà Tr nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông G đồng nghĩa với việc cha mẹ ly hôn sẽ không còn chung sống cùng nhau nên có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà Tr. Trong thời gian vợ chồng ly thân, các cháu dưới sự chăm sóc của bà Tr vẫn phát triển tốt về thể chất, tinh thần nên cần ổn định cuộc sống cho các cháu tiếp tục giao các cháu P và Ng cho bà Tr chăm sóc, nuôi dưỡng. Do bà Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết Tr đối với ông Lâm Trường G.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung tên Lâm Chí P, sinh ngày 04/9/2005 và Lâm Thị Kim Ng, sinh ngày 19/5/2015. Ông Lâm Trường G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr yêu cầu ly hôn với ông Lâm Trường G, ông G có nơi cư trú tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Lâm Trường G được Tòa án triệu tập tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông G là có căn cứ.

[3] Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr yêu cầu ly hôn với ông Lâm Trường G. Bà Tr và ông G có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà Tr trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng hay nhậu, không phụ kinh tế

với bà để lo cho gia đình, vợ chồng thường cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 03/2022 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà Tr yêu cầu ly hôn và triệu tập ông G tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông G vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà Tr. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Tr và ông G đã diễn ra trong thời gian dài, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr là phù hợp.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Tr xác định, vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Chí P, sinh ngày 04/9/2005 và Lâm Thị Kim Ng, sinh ngày 19/5/2015 (hiện đang chung sống với bà Tr). Khi ly hôn, Bà Tr yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, 02 con chung do bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của 02 cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết ông G cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà Tr. Bên cạnh đó, cháu P và cháu Ng cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, để bà Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của cháu.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Tr không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về quan hệ nợ chung: Bà Tr trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Dương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết Tr đối với ông Lâm Trường G.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr được ly hôn với ông Lâm Trường G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2017, ngày 02 tháng 8 năm 2017 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Tuyết Tr và ông Lâm Trường G không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Lâm Chí P, sinh ngày 04/9/2005 và Lâm Thị Kim Ng, sinh ngày 19/5/2015. Ông Lâm Trường G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lâm Trường G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Tuyết Tr xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà Nguyễn Thị Tuyết Tr và ông Lâm Trường G phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Tuyết Tr phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0010421 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 24 tháng 3 năm 2022. Bà Tr đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

